

Bản án số: 48/2024/HNGĐ - ST
Ngày 23/8/2024.
(V/v: ly hôn, tranh chấp nuôi con)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Phiếu, ông Hà Quang Văn.

Thư ký phiên tòa: ông Bùi Ngọc Tạo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 124/2024/TLST- HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Bùi Thị L, sinh năm 1984, tên gọi khác: không.

Trú tại: thôn L, xã X, huyện N, tỉnh N.

Bị đơn: anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1976, tên gọi khác: không.

Trú tại: thôn L, xã X, huyện N, tỉnh N.

Chị L và anh S đều vắng mặt, đều có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 5 năm 2024, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày: tôi và anh Nguyễn Ngọc S kết hôn với nhau vào ngày 11/3/2015 tại UBND xã X, huyện N, trước khi kết hôn chúng tôi có tìm hiểu, yêu nhau tự nguyện, không do ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống ở thôn L, xã X, huyện N, tỉnh N. Vợ chồng tôi sống hạnh phúc được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, đồng thời do anh Nguyễn Ngọc S hay uống rượu say về nhà đánh chửi tôi nên cuộc sống vợ chồng thường xuyên va chạm, không có hạnh phúc. Đến tháng 3 năm 2024 do mâu thuẫn vợ chồng trở nên nghiêm trọng nên tôi đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn Minh Hồng, xã X, huyện N, tỉnh N sinh sống, kể từ đó vợ chồng tôi sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn anh Nguyễn Ngọc S. Về con chung: chúng tôi có 02 con chung là các cháu Nguyễn Ngọc Mỹ Nh, sinh ngày 14/8/2011; Nguyễn Ngọc Bảo Kh sinh ngày 02/5/2016, kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cháu Nguyễn Ngọc Mỹ Nh ở với tôi, còn cháu Nguyễn Ngọc Bảo Kh ở với bố. Khi ly hôn, tôi đề nghị Tòa

án xem xét giải quyết cho tôi được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Mỹ Nh, còn cháu Nguyễn Ngọc Bảo Kh giao cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Tôi và anh Nguyễn Ngọc S không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản và công nợ chung: tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/6/2024 anh Nguyễn Ngọc S trình bày: tôi và chị Bùi Thị L sau một thời gian tìm hiểu, yêu nhau tự nguyện chúng tôi đã đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11/3/2015 tại trụ sở UBND xã X, huyện N. Sau khi cưới, vợ chồng chúng tôi chung sống tại thôn L, xã X, huyện N, tỉnh N. Vợ chồng tôi sống hạnh phúc được thời gian dài, đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, phát sinh nhiều vấn đề không hợp. Do mâu thuẫn vợ chồng trở nên nghiêm trọng nên ngày 01/3/2024 chị L đã đưa cháu Nguyễn Ngọc Mỹ Nh về sống với mẹ đẻ tại thôn Minh Hồng, xã X, huyện N, tỉnh N. Kể từ đó đến nay vợ chồng tôi sống ly thân hoàn toàn, không còn quan tâm đến nhau. Tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đồng ý ly hôn với chị Bùi Thị L. Về con chung: tôi và chị Bùi Thị L có 02 con chung là các cháu Nguyễn Ngọc Mỹ Nh, sinh ngày 14/8/2011; Nguyễn Ngọc Bảo Kh sinh ngày 02/5/2016, kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cháu Nguyễn Ngọc Mỹ Nh ở với chị L, còn cháu Nguyễn Ngọc Bảo Kh ở với tôi. Khi ly hôn, tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho tôi được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Bảo Kh, còn cháu Nguyễn Ngọc Mỹ Nh giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tôi và chị Bùi Thị L không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản và công nợ chung: tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 5, Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S. Về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Mỹ Nh, sinh ngày 14/8/2011 cho chị Bùi Thị L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc Mỹ Nh đủ 18 tuổi, giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo Kh sinh ngày 02/5/2016 cho anh Nguyễn Ngọc S tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc Bảo Kh đủ 18 tuổi. Chị L và anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Vì lợi

ích của con, khi có lí do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Về án phí: chị Bùi Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Nguyễn Ngọc S có địa chỉ tại thôn L, xã X, huyện N, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện N áp dụng Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn cùng vắng mặt nhưng đều có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Ngọc S là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người sinh sống tại thôn L, xã X, huyện N, tỉnh N. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo sự trình bày của hai bên là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, phát sinh nhiều vấn đề không hợp nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã. Đến tháng 3 năm 2024 do mâu thuẫn vợ chồng trở nên nghiêm trọng nên chị L đã đưa cháu Nguyễn Ngọc Mỹ Nh về sống với mẹ đẻ tại thôn Minh Hồng, xã X, huyện N, tỉnh N. Kể từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân hoàn toàn, không còn quan tâm đến nhau. Bản thân chị L và anh S đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai người không còn thương yêu nhau; anh S không tham gia hòa giải và đồng ý ly hôn với chị L. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Ngọc S đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị L, xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Ngọc S có 02 con chung là các cháu Nguyễn Ngọc Mỹ Nh, sinh ngày 14/8/2011; Nguyễn Ngọc Bảo Kh sinh ngày 02/5/2016, kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cháu Nguyễn Ngọc Mỹ Nh ở với tôi, còn cháu Nguyễn Ngọc Bảo Kh ở với bố. Khi ly hôn, tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho tôi được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Mỹ Nh, còn cháu Nguyễn Ngọc Bảo Kh giao cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Tôi và anh Nguyễn Ngọc S không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Ngọc S đều khỏe mạnh, đều không vi phạm đạo đức, lối sống trong việc nuôi dạy con chung nên cả chị L và anh S đều có đủ điều kiện nuôi con. Khi ly hôn, chị L và anh S đều có ý kiến đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Mỹ Nh, còn cháu Nguyễn Ngọc Bảo Kh giao cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của các cháu Nguyễn Ngọc Mỹ Nh, Nguyễn Ngọc Bảo

Kh. Do đó cần giao cháu Nguyễn Ngọc Mỹ Nh cho chị Bùi Thị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo Kh cho anh S được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là thỏa đáng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị L và anh S đều không có yêu cầu nên không buộc chị L và anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: chị L và anh S không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: chị Bùi Thị L phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Mỹ Nh, sinh ngày 14/8/2011 cho chị Bùi Thị L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc Mỹ Nh đủ 18 tuổi, giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo Kh sinh ngày 02/5/2016 cho anh Nguyễn Ngọc S tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc Bảo Kh đủ 18 tuổi. Chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Ngọc S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: chị Bùi Thị L phải nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện N theo biên lai số BLTU/23/0001266, ngày 23/5/2024.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS N;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Quốc